



TĂNG TRƯỞNG XANH TRONG CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

Nhóm tác giả:

TS. Phạm Nguyên Minh
ThS. Trần Huy Hoàn

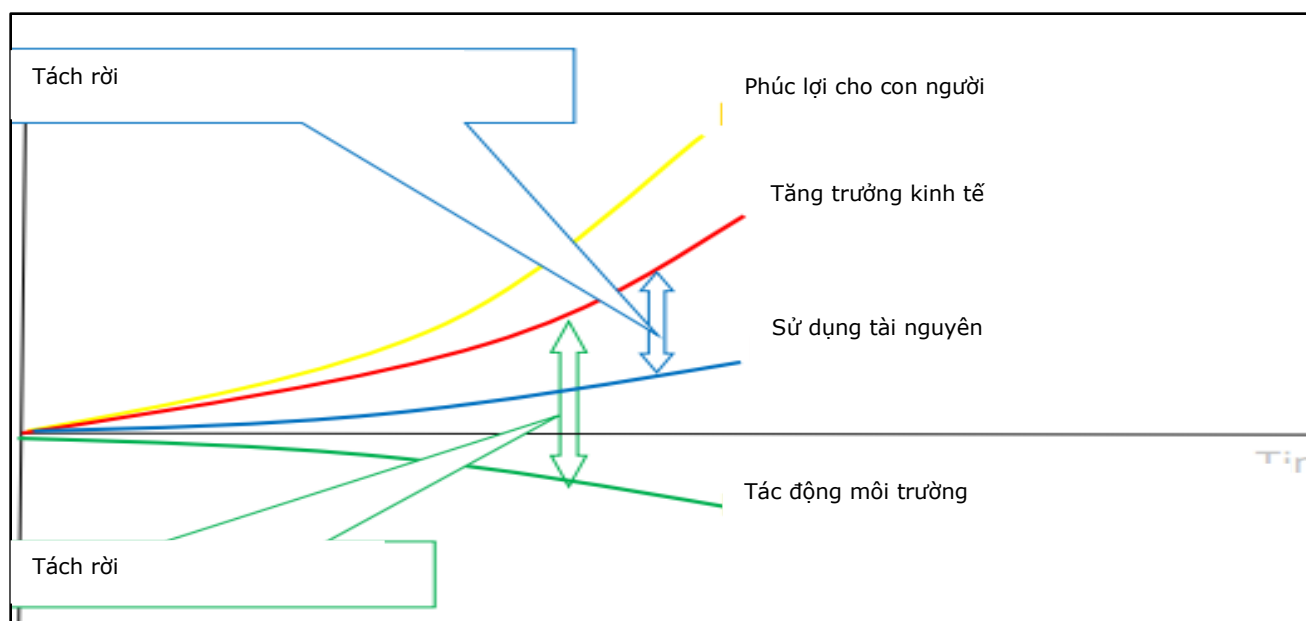
Mục lục

1. Khái niệm về tăng trưởng xanh	2
2. Tăng trưởng xanh trong công nghiệp	6
3. Tăng trưởng xanh trong thương mại.....	7
4. Các cơ hội thương mại từ thực hiện tăng trưởng xanh.....	10
4.1. Trong lĩnh vực nông nghiệp	10
4.2. Trong lĩnh vực ngư nghiệp và nuôi trồng thủy sản	11
4.3. Trong lĩnh vực lâm nghiệp	11
4.4. Trong lĩnh vực sản xuất	12
4.5. Trong lĩnh vực năng lượng tái tạo	13
4.6. Trong lĩnh vực du lịch	13
5. Các chỉ số đánh giá tăng trưởng xanh	14
6. Khung chính sách thực hiện tăng trưởng xanh trong công nghiệp và thương mại	15
7. Các chính sách xanh đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	18
Tài liệu tham khảo	20

1. Khái niệm về tăng trưởng xanh

Khái niệm về Tăng trưởng Xanh (TTX) có nguồn gốc đầu tiên từ khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Tại Hội nghị cấp Bộ trưởng về Môi trường và Phát triển (MCED) diễn ra vào tháng 3 năm 2005 tại Seoul – Hàn Quốc, 52 Chính phủ và các tổ chức liên quan từ khu vực Châu Á – Thái Bình Dương đã thống nhất để chuyển phát triển kinh tế theo hướng bền vững và theo đuổi con đường TTX (Mathews 2012). Để đạt được nguyện vọng này, một tuyên bố cấp Bộ trưởng và kế hoạch thực hiện cấp vùng cho phát triển bền vững đã được thông qua (Barnes 2008). Các kế hoạch này đã bắt đầu một tầm nhìn đầy tham vọng và toàn diện về tăng trưởng xanh như là một sáng kiến cấp vùng của UNESCAP – ngôi nhà của phát triển bền vững và các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (UNESCAP 2012). Theo đó, TTX được định nghĩa là một mô hình tăng trưởng kinh tế mới, tách rời mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế gắn với suy thoái môi trường với việc tập trung vào giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển xã hội, bền vững môi trường, giảm thiểu biến đổi khí hậu và hạn chế suy giảm đa dạng sinh học và đảm bảo cho việc tiếp cận năng lượng sạch và nước (Allen and Clouth 2012).

Sơ đồ 1: Mô hình Tăng trưởng Xanh: Tách rời mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế với suy thoái môi trường và sử dụng tài nguyên

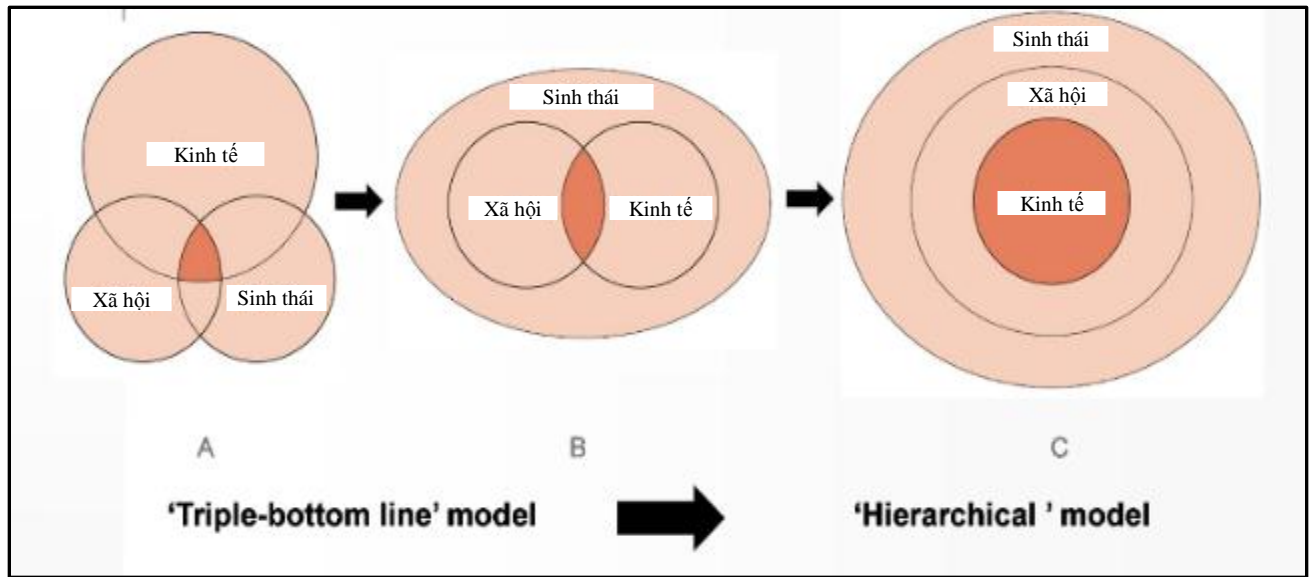


Nguồn: (UNEP 2012)

Tại Cuộc gặp gỡ Bộ trưởng của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) vào tháng 6/2009, 30 thành viên của Tổ chức và 5 quốc gia sắp trở thành thành viên (đóng góp tới gần 80% kinh tế toàn cầu) đã phê chuẩn tuyên bố chung rằng “Xanh” và “Tăng trưởng” phải đi

đôi với nhau và đề xuất OECD phát triển một chiến lược TTX để mang kinh tế, môi trường, công nghệ, tài chính và các khía cạnh của phát triển vào trong một khung phát triển toàn diện nhất (UNESCAP 2012). Từ đây, OECD trở thành nhân tố chủ đạo và quan trọng nhất cho TTX và hỗ trợ các nỗ lực của các quốc gia để xây dựng và thực hiện TTX quốc gia. TTX, theo OECD, đó là một cách tiếp cận mới đối với mô hình phát triển kinh tế gắn với thúc đẩy bền vững về môi trường, các bon thấp và một xã hội phát triển toàn diện. TTX quay ngược các giới hạn về tài nguyên và khủng hoảng về khí hậu thành các cơ hội phát triển kinh tế thông qua việc đầu tư vào phát triển kinh tế và phúc lợi xã hội gắn với việc sử dụng ít tài nguyên hơn, thải ít chất thải hơn đối với các hoạt động kinh tế quan trọng như sản xuất thực phẩm, giao thông và vận tải, xây dựng, công nghiệp nặng, năng lượng và nước (UNEP 2014).

Sơ đồ 2: Sự dịch chuyển trong tiếp cận phát triển bền vững với Tăng trưởng



Xanh

Nguồn: Huber (2000)

Vào tháng 11/2010, tại Hội nghị thượng đỉnh G20 ở Seoul, lãnh đạo của các quốc gia đã thống nhất rằng, TTX cho phép các quốc gia đang phát triển có thể “nhảy cóc”, bỏ qua giai

Hộp 1. Sản phẩm của Tăng trưởng xanh

Kinh tế

1. GDP tăng và phân phối công bằng một cách bền vững
2. Gia tăng sản xuất của các dịch vụ hệ sinh thái được định giá
3. An ninh kinh tế, ví dụ, quản lý rủi ro kinh tế được cải thiện
4. Sáng tạo, mở cửa và áp dụng công nghệ xanh, ví dụ, mức độ tin cậy vào thị trường được cải thiện.

Môi trường

5. Gia tăng hiệu quả sản xuất và hiệu suất sử dụng tài nguyên thiên nhiên
6. Vốn tự nhiên được sử dụng trong giới hạn sinh thái
7. Tăng các loại tư bản khác thông qua sử dụng vốn tự nhiên từ tài nguyên không thể tái tạo
8. Giảm các tác động tiêu cực môi trường; quản lý các mối nguy và chất độc được cải thiện

Xã hội

9. Gia tăng các cơ hội, thu nhập và chất lượng cuộc sống của người nghèo
10. Các việc làm tốt cơ lợi cho người nghèo được tạo ra và bền vững
11. Nâng cao vốn xã hội, con người và kiến thức
12. Giảm bất bình đẳng

Nguồn: OECD. (2012)

đoạn phát triển gắn liền với ô nhiễm để phát triển với việc áp dụng công nghệ xanh. Các nhà lãnh đạo cũng đã thống nhất đề tạo ra môi trường cho phép sự phát triển của công nghệ năng lượng sạch và công nghệ về hiệu quả năng lượng (Barbier, 2011) với các hoạt động tập trung vào năng lượng tái tạo, năng lượng hiệu quả, lưu giữ các bon, giao thông công cộng, cải thiện việc chuyển tải và phân phối điện, đầu tư công và các khuyến khích bảo vệ môi trường. Cho đến nay, các hoạt động thúc đẩy phát triển TTX chủ yếu tập trung vào các quốc gia nhóm G20 và các nước trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương.

Vào tháng 2 năm 2012, Ngân hàng thế giới (WB) cùng với Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), OECD và Viện Tăng trưởng Xanh toàn cầu (GGGI) đã khai trương Diễn đàn chia sẻ kiến thức quốc tế mới tại Mexico (GGKP) với mục tiêu nâng cao và mở rộng các nỗ lực để xác định và giải quyết các khoảng cách về kiến thức trong lý thuyết và thực hành đối với TTX và hỗ trợ các quốc gia thiết kế và thực hiện các chính sách nhằm hướng tới TTX. Có rất nhiều quốc gia đã thiết lập các sáng kiến chính sách và các kế hoạch hành động để thúc đẩy TTX, chẳng hạn, Chính phủ Hàn Quốc xây dựng chiến lược TTX tập trung vào các hoạt động các bon thấp, Nhật Bản tập trung vào xã hội tái chế. Trung Quốc tập trung vào hiệu quả năng lượng (UNEP 2014).

Hộp 2. Định nghĩa về Tăng trưởng Xanh của một số quốc gia/tổ chức quốc tế

Định nghĩa về TTX khác nhau phản ánh mỗi quốc gia/tổ chức có những tầm nhìn khác nhau về tăng trưởng xanh phù hợp với điều kiện, sứ mệnh và định hướng của chính quốc gia, tổ chức mình. Dưới đây là định nghĩa về TTX của một số tổ chức quốc tế và quốc gia.

- UNESCAP: TTX là mô hình tăng trưởng chú trọng vào quá trình phát triển kinh tế đảm bảo bền vững về môi trường, thúc đẩy phát triển các bon thấp và xã hội toàn diện
- OECD: TTX là mô hình tăng trưởng kinh tế và phát triển, trong khi đảm bảo các tài sản tự nhiên tiếp tục cung cấp tài nguyên và dịch vụ môi trường cho con người.
- World Bank: TTX là mô hình tăng trưởng đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên, sạch với việc tối thiểu hóa ô nhiễm và các tác động môi trường
- GGGI: TTX là một mô hình phát triển mới với việc đảm bảo tăng trưởng kinh tế với bền vững về môi trường và khí hậu. Chú trọng vào xử lý tại nguồn của các thách thức trong khi đảm bảo việc tạo ra các kênh cần thiết cho phân phối tài nguyên và tiếp cận đối với hàng hóa cơ bản cho nhu cầu của con người.
- Hàn Quốc: "Tăng trưởng xanh là sự tăng trưởng đạt được bằng cách tiết kiệm và sử dụng các nguồn tài nguyên và năng lượng hiệu quả để giảm thiểu biến đổi khí hậu và thiệt hại tới môi trường, tạo ra các động lực tăng trưởng mới thông qua nghiên cứu và phát triển công nghệ xanh, tạo các cơ hội việc làm mới và đạt được sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường".
- Tổ chức Sáng kiến tăng trưởng xanh của Liên Hợp Quốc: Tăng trưởng xanh hay xây dựng nền kinh tế xanh là quá trình tái cơ cấu lại hoạt động kinh tế và cơ sở hạ tầng để thu được kết quả tốt hơn từ các khoản đầu tư cho tài nguyên, nhân lực và tài chính, đồng thời giảm phát thải khí nhà kính, khai thác và sử dụng ít tài nguyên thiên nhiên hơn, tạo ra ít chất thải hơn và giảm sự mất công bằng trong xã hội.
- Định nghĩa tăng trưởng xanh của Việt Nam: Tăng trưởng xanh là sự tăng trưởng dựa trên quá trình thay đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế nhằm tận dụng lợi thế so sánh, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế thông qua việc nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại để sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần xóa đói giảm nghèo và tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế một cách bền vững.

TTX là điều kiện cần có cho xây dựng nền kinh tế xanh với các đặc điểm đó là gia tăng đầu tư một cách bền vững đối với các hoạt động kinh tế thúc đẩy bảo tồn và phát triển nguồn vốn tự nhiên, giảm thiểu các mối nguy về môi trường và sinh thái từ phát triển năng lượng tái tạo, giao thông các bon thấp, các tòa nhà hiệu quả về năng lượng và nước, quản lý nông lâm nghiệp và thủy sản bền vững. TTX cũng có nghĩa là thúc đẩy phát triển kinh tế trong khi đảm bảo rằng tài sản vốn tự nhiên tiếp tục cung cấp tài nguyên và dịch vụ môi trường mà loài người đang sống dựa vào (OECD 2012). Như vậy, TTX bác bỏ quan niệm truyền thống đó là “tăng trưởng kinh tế trước, làm sạch sau” và không khuyến khích các quyết định đầu tư mà mang đến các mối nguy về ô nhiễm và thải nhiều khí thải các bon, thay vào đó, là tìm kiếm các giải pháp để khuyến khích đầu tư và các sáng kiến để sử dụng đầu vào hiệu quả hơn và bền vững hơn cho tăng trưởng và phát triển (UNESCAP 2012).

2. Tăng trưởng xanh trong công nghiệp

TTX trong công nghiệp là chiến lược tiếp cận ngành, với việc áp dụng các phương pháp, chiến lược và công cụ đã được công nhận để **tách rời** tăng trưởng sản xuất công nghiệp gắn liền với gia tăng sử dụng tài nguyên và gây ra các tác động xấu tới môi trường với các nội dung: (1) Đảm bảo an ninh các nguồn tài nguyên thiên nhiên bằng việc giảm các áp lực lên các nguồn tài nguyên đã thực sự khan hiếm như nước, nguyên liệu và nhiên liệu; (2) Đóng góp làm giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua giảm thiểu khí thải nhà kính từ năng lượng và các hoạt động năng lượng; (3) Quản lý môi trường tốt hơn, đảm bảo an toàn công nghiệp và hóa chất trong hoạt động của doanh nghiệp thông qua phát triển và sử dụng hàng hóa và dịch vụ môi trường và (4) Thúc đẩy mở rộng phát triển hàng hóa môi trường.

TTX trong công nghiệp cung cấp cách tiếp cận kép cho quá trình công nghiệp hóa với việc đảm bảo tăng trưởng bền vững thông qua:

- **Xanh hóa các ngành công nghiệp hiện có:** thông qua các hành động thực hiện một cách liên tục các cải thiện quá trình vận hành và áp dụng công nghệ xử lý tiên tiến để đạt được việc giảm thiểu sử dụng tài nguyên và giảm thiểu tạo ra chất thải và khí thải:

- Sử dụng tài nguyên và năng lượng hiệu quả hơn
- Giảm dần các chất độc hại
- Thay thế nguyên liệu quá thạch bằng các nguồn năng lượng tái tạo
- Cải thiện sức khỏe và an toàn
- Gia tăng trách nhiệm của nhà sản xuất và giảm thiểu các mối nguy
- Nâng cao quản lý chất thải và các dịch vụ tái chế chất thải

- **Thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp xanh mới:** Đó chính là các ngành cung cấp hàng hóa và dịch vụ môi trường, chẳng hạn ngành tái chế chất thải, ngành năng lượng tái tạo, các sản phẩm tiết kiệm năng lượng hay các giải pháp về phát triển năng lượng tái tạo, các hoạt động thu gom, quản lý và loại bỏ các chất thải độc hại (UNIDO, 2011). Các sản phẩm của các ngành công nghiệp xanh mới bao gồm:

- Hàng hóa và dịch vụ môi trường theo cách tiếp cận truyền thống
- Hàng hóa và dịch vụ các bon thấp
- Hàng hóa và dịch vụ năng lượng tái tạo

Bảng 1. Danh mục hàng hóa và dịch vụ môi trường, năng lượng tái tạo và các bon thấp

Hàng hóa và dịch vụ môi trường truyền thống	Hàng hóa và dịch vụ năng lượng tái tạo	Hàng hóa và dịch vụ các bon thấp
Ô nhiễm không khí	Sinh khối	Các nguồn năng lượng sạch thay thế năng lượng hóa thạch (năng lượng

		hydro, sinh học...)
Nhiệm bản đất	Địa nhiệt	Nhiên liệu/phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu thay thế
Tư vấn môi trường	Thủy điện	Các nguồn năng lượng bổ sung
Kiểm soát môi trường	Quang điện	Công nghệ xây dựng
Kiểm soát ô nhiễm biển	Sóng và thủy triều	Quản lý năng lượng
Kiểm soát tiếng ồn và độ rung	Gió	Lưu trữ các bon
Tái chế và tái sử dụng	Tư vấn năng lượng tái tạo	Tài chính các bon
Quản lý chất thải		Năng lượng hạt nhân
Cung cấp nước và xử lý nước thải		

Nguồn: BIS (2013)

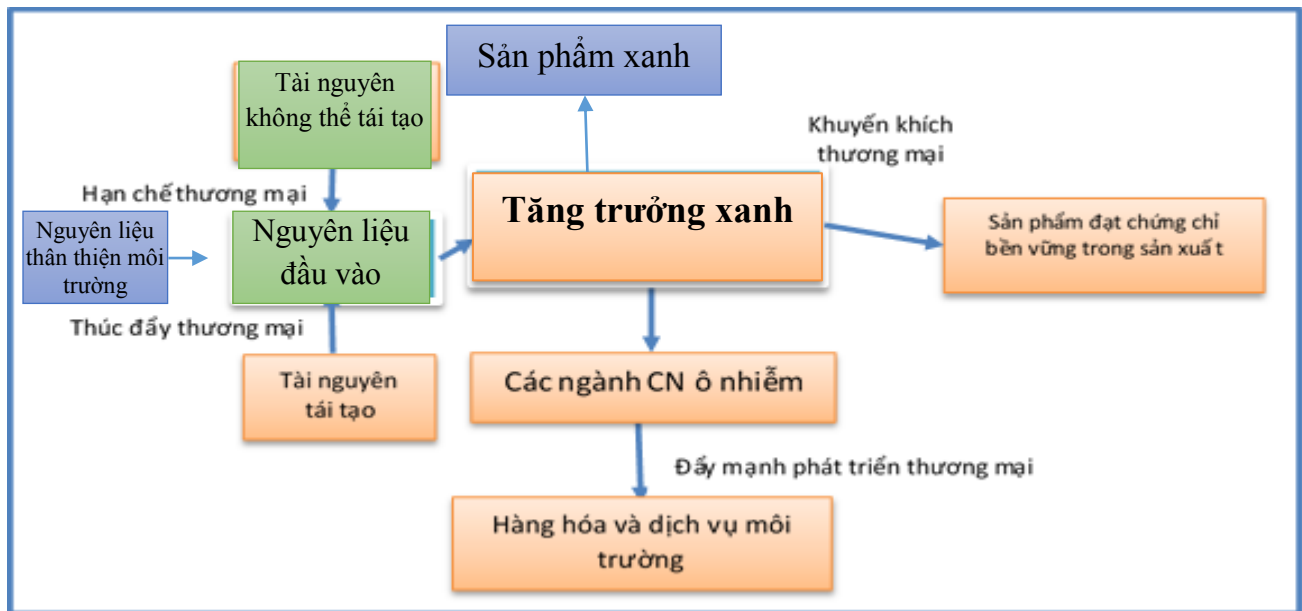
3. Tăng trưởng xanh trong thương mại

Thương mại là nhân tố quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế, cũng như vấn đề môi trường. Thực hiện TTX mở ra các cơ hội phát triển, động lực cạnh tranh và kinh doanh bền vững bởi các doanh nghiệp đã cải thiện được hiệu quả tài nguyên và thực thi môi trường thông qua áp dụng các sáng tạo công nghệ và phi công nghệ bền vững, trong khi TTX cũng sẽ tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh các hoạt động thương mại hóa và tự do hóa thương mại các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ có lợi cho môi trường.

Thương mại chú trọng vào thị trường để thúc đẩy TTX trong thông qua hỗ trợ thị trường cho phát triển các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ môi trường cũng như mở rộng và gia tăng thị phần trên thị trường đối với các sản phẩm đạt các chứng chỉ bền vững, trong khi hạn chế phát triển thị trường hàng hóa và dịch vụ không có lợi cho môi trường và xanh hóa chuỗi cung nội địa và toàn cầu. Chính vì thế, thương mại, thông qua các chính sách thích hợp, có thể thúc đẩy việc dịch chuyển sang TTX trong công nghiệp, thông qua:

- Thúc đẩy thương mại hóa và tự do hóa thương mại hàng hóa và dịch vụ môi trường để mở rộng thị trường đối với hàng hóa và dịch vụ môi trường, các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ các bon thấp, các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ năng lượng tái tạo
- Đẩy mạnh hoạt động thương mại đối với các sản phẩm đạt chứng chỉ bền vững như: nông sản hữu cơ, các sản phẩm nông sản đạt chứng nhận bền vững về canh tác và chế biến, các sản phẩm thủy sản đạt chứng nhận đánh bắt bền vững hay nuôi trồng và khai thác bền vững, các sản phẩm gỗ đạt chứng chỉ bền vững về nguồn gốc xuất xứ, trồng và khai thác, các sản phẩm công nghiệp đạt các chứng chỉ về ISO 14000, SA 8000...

Sơ đồ 3: Thương mại và tăng trưởng xanh



Nguồn: Meltzer (2012)

Thương mại khi đi kèm những điều chỉnh phù hợp có thể thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền Kinh tế xanh qua việc gia tăng trao đổi các hàng hóa và dịch vụ thân thiện với môi trường (bao gồm cả các công nghệ thân thiện với môi trường), tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên và tạo ra các cơ hội kinh tế và việc làm. Để góp phần xóa đói giảm nghèo, của cải được tạo ra từ thương mại quốc tế cần được sử dụng để tạo thêm nhiều cơ hội tìm kiếm thu nhập, nhằm giảm bớt bất bình đẳng thay vì làm trầm trọng thêm tình trạng này.

Ngược lại, chuyển đổi sang nền Kinh tế xanh có khả năng tạo ra các cơ hội thương mại bằng việc mở ra các thị trường xuất khẩu mới cho hàng hóa và dịch vụ có yếu tố môi trường, tăng cường trao đổi các sản phẩm được chứng nhận phù hợp cho phát triển bền vững và các dịch vụ liên quan đến cấp chứng chỉ và xanh hóa chuỗi cung ứng toàn cầu. Việc áp dụng các phương pháp sản xuất tiết kiệm năng lượng và tài nguyên như một phần trong các biện pháp nhằm hướng tới nền kinh tế xanh đóng vai trò quan trọng giúp các nền kinh tế gia tăng khả năng thâm nhập và duy trì sức cạnh tranh dài hạn trên thị trường quốc tế.

Cuộc họp của các nhà lãnh đạo môi trường toàn cầu tại Rio+20 đã khởi xướng một sự thay đổi quan trọng về tiếp cận tăng trưởng theo hướng tăng trưởng xanh, từ việc thảo luận nguy cơ tiềm ẩn về bảo hộ thương mại trong các chính sách kinh tế xanh, chuyển sang coi tăng cường hoạt động thương mại giữa các quốc gia đang phát triển vừa là hiệu ứng bổ sung vừa là động lực giúp thực hiện các chính sách kinh tế xanh. Kết quả, kinh tế xanh ngày càng được coi là cánh cửa mở ra các cơ hội mới cho thương mại, tăng trưởng và phát triển bền vững.

Tuy nhiên, trong khi thay đổi định hướng tăng trưởng theo hướng xanh hóa với các trao đổi thương mại bền vững hơn có thể thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, thì việc đạt được sự thay đổi đó cũng cần có những chính sách hiệu quả để giảm thiểu các tác động bất lợi thường phát sinh từ thương mại, bao gồm ô nhiễm và khí thải từ hoạt động giao thông vận tải hàng hóa hay gánh nặng lên tài nguyên thiên nhiên từ gia tăng hoạt động sản xuất chế biến phục vụ cho nhu cầu thương mại... Giải quyết các tác động xấu, giảm bất bình đẳng thu nhập, cải thiện đời sống người dân địa phương, cũng như sử dụng các công nghệ và quy trình thân thiện với môi trường là những yếu tố cốt lõi giúp tăng cường sự bền vững trong thương mại quốc tế.

Thương mại là nhân tố chủ đạo đóng góp cho phát triển kinh tế toàn cầu. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ thương mại toàn cầu đạt 22.3 nghìn tỷ USD vào cuối năm 2010, bình quân tăng 5% mỗi năm trong giai đoạn 2000-2011. Bên cạnh đó, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ thương mại chiếm tỷ trọng ngày càng tăng trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của các quốc gia trên thế giới, với mức tăng từ 14% năm 1970 lên 29.3% năm 2011. Tại các quốc gia đang phát triển, tỷ lệ này đạt đỉnh điểm ở mức 45% trước cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính năm 2008. Ngoài ra, thương mại giữa các nước đang phát triển, hay thương mại “nam-nam”, được đánh giá là khu vực năng động nhất của thương mại toàn cầu trong thập niên vừa qua, tổng mức xuất khẩu của các quốc gia đang phát triển đã tăng từ 39.2% năm 2002 lên 50% năm 2010.

Trong khi tạo ra tăng trưởng kinh tế, gia tăng khối lượng thương mại cũng đặt thêm áp lực lên các nguồn tài nguyên thiên nhiên và làm tăng lượng khí thải nhà kính (GHGs). Nhu cầu tài nguyên thiên nhiên của các nền kinh tế mới nổi gia tăng, cộng thêm mức sử dụng và tiêu thụ tài nguyên không bền vững đang diễn ra ở các quốc gia phát triển đã dẫn tới sự gia tăng đột biến trong trao đổi và tiêu thụ tài nguyên giai đoạn 1995-2010. Bên cạnh đó, sự phát triển sản xuất và vận tải theo hướng hỗ trợ phát triển thương mại đã làm tăng đáng kể lượng khí thải nhà kính. Ví dụ, khí thải từ vận tải hàng hải và hàng không quốc tế đã tăng 88% trong 25 năm.

Các mô hình thương mại thế giới cho thấy xuất khẩu của các quốc gia kém phát triển nhất vẫn bị chi phối bởi các nguồn nguyên liệu thô và các sản phẩm sản xuất từ tài nguyên thiên nhiên. Nhiều quốc gia đang phát triển, đặc biệt là những nước kém phát triển nhất, đang đối mặt với yêu cầu cấp thiết phải đa dạng hóa nền kinh tế và chuyển sang các mô hình kinh tế bền vững hơn. Trong 15 năm qua, áp lực lên các nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng leo thang, chủ yếu do nhu cầu thế giới tăng cao, dẫn tới những tác động xấu cho môi trường và xã hội như suy giảm đa dạng sinh học, suy thoái môi trường và phân phối thu nhập bất bình đẳng.

Cơ hội để ứng phó với các xu hướng này có thể tìm thấy tại các thị trường thương mại đã được xanh hóa đang hoạt động của một số quốc gia hiện nay và thông qua việc mở ra các thị trường thương mại xanh mới cho hàng hóa và dịch vụ xanh mới phát triển. Những thị trường thương mại xanh mới hiện nay phát triển nhanh hơn các thị trường truyền thống. Các nhà sản xuất, nhà cung cấp dịch vụ và nhà xuất khẩu tiên phong đã tận dụng được các cơ hội thương

mại mới có được từ sự nâng cao nhận thức của người tiêu dùng và việc áp dụng các mô hình sản xuất và tiêu thụ bền vững hơn. Các quốc gia đang phát triển với nguồn tài nguyên phong phú, chi phí sản xuất cạnh tranh và nguồn nhân lực dồi dào, trong một số trường hợp sẽ có lợi thế so sánh để nắm bắt những cơ hội này.

Thực hành phát triển thương mại bền vững thông qua phát triển thị trường của các sản phẩm đã được chứng nhận chứng chỉ bền vững hoặc các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ thân thiện với môi trường hiện đang có sự gia tăng về quy mô, với những chuyển động quan trọng theo hướng lồng ghép các yêu cầu bền vững vào trong sản xuất và thương mại ở quy mô toàn cầu. Mặc dù vậy, các trao đổi thương mại bền vững vẫn chỉ chiếm phần nhỏ trong tổng lượng trao đổi thương mại toàn cầu và do đó cần được đẩy mạnh hơn để xanh hóa các nền kinh tế.

Việc chuyển giao công nghệ thân thiện với môi trường – thông qua các kênh liên quan tới đầu tư và thương mại, sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội ở các nước đang phát triển. Những kênh này sẽ hỗ trợ các kết quả đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D) có thể đem lại lợi ích cho một lượng lớn các nhà sản xuất và người tiêu dùng, trong khi vẫn thúc đẩy bảo vệ tài nguyên thiên nhiên cũng như các nỗ lực thích nghi và giảm nhẹ biến đổi khí hậu. Đồng thời, các kênh này cũng đóng vai trò quan trọng giúp các nước đang phát triển xây dựng và củng cố năng lực R&D của mình, đặc biệt với các công nghệ thân thiện với môi trường. Ngoài ra, tiến bộ công nghệ và các tác động lan tỏa của nó nhờ sự phát triển của thương mại quốc tế có thể dẫn tới chuyên môn hóa sâu hơn trong sản xuất các hàng hóa và dịch vụ tiết kiệm tài nguyên và năng lượng.

4. Các cơ hội thương mại từ thực hiện tăng trưởng xanh

Các cơ hội thương mại từ tăng trưởng xanh mở ra cho tất cả các lĩnh vực trong các nền kinh tế. Tuy nhiên, những lĩnh vực có sự hội nhập sâu vào nền kinh tế toàn cầu sẽ có những tác động lớn hơn. Trong nghiên cứu này sẽ tập trung vào các cơ hội mới đối với sáu lĩnh vực kinh tế mà các quốc gia đang phát triển đặc biệt quan tâm, gồm: nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, sản xuất công nghiệp, năng lượng tái tạo và du lịch. Phần trình bày tiếp theo của nội dung này sẽ bắt đầu với các mối nguy từ sự gia tăng thương mại theo mô hình tăng trưởng truyền thống và sau đó đề cập tới thương mại xanh như một phương thức mới với sự tiếp cận của mô hình tăng trưởng xanh để giải quyết các mối nguy này và các cơ hội thương mại được hình thành.

4.1. Trong lĩnh vực nông nghiệp

Tương lai của ngành nông nghiệp đang bị đe dọa bởi các tác động tiêu cực tới môi trường trong quá trình mở rộng canh tác, nuôi trồng, chế biến và lưu thông các sản phẩm nông nghiệp. Các thách thức này đến từ việc liên tục suy giảm đa dạng sinh học và hệ sinh thái, suy thoái và xói mòn đất, khan hiếm nước ngọt gia tăng, ô nhiễm nước trầm trọng do quản lý dinh dưỡng yếu kém, xả hóa chất độc hại, rác, chất thải, khí thải, và tăng lượng khí nhà kính từ sản xuất nông nghiệp. Trong khi thương mại tiến hành theo kịch bản

thông thường làm các xu thế này trầm trọng hơn trên diện rộng thì thương mại bền vững có khả năng duy trì hoặc gia tăng đầu ra sản phẩm nông nghiệp trong trung và dài hạn, đồng thời hạn chế sử dụng tài nguyên, bảo tồn môi trường tự nhiên và thúc đẩy an toàn thực phẩm.

Các phương pháp canh tác bền vững có thể giúp tăng năng suất, tạo điều kiện tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, đáp ứng được nhu cầu đang tăng lên của thế giới đối với sản phẩm hữu cơ và bền vững. Nhiều công ty đa quốc gia lớn đã đưa ra những cam kết về phát triển bền vững, những cam kết này sẽ ảnh hưởng tới việc lựa chọn đối tác tầm cao trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Bên cạnh đó, thị trường thực phẩm và đồ uống hữu cơ thế giới dự kiến sẽ đạt mức 105 tỷ USD vào năm 2015 so với tổng giá trị 62.9 tỷ USD năm 2011. Diễn hình với việc sản xuất chèn theo các tiêu chuẩn bền vững đã tăng 2000% từ năm 2005 đến 2009.

4.2. Trong lĩnh vực ngư nghiệp và nuôi trồng thủy sản

Trên phạm vi toàn cầu, cá và các sản phẩm từ cá là mặt hàng thực phẩm được giao dịch nhiều nhất, xuất khẩu nhóm hàng này đã tăng mạnh trong 35 năm qua, từ 8 tỷ USD năm 1976 lên khoảng 125 tỷ USD năm 2011. 80% nguồn cá thế giới đã bị khai thác quá mức hoặc chạm ngưỡng giới hạn sinh học, 10 loài có giá trị thương mại lớn nhất vẫn đang bị đánh bắt vượt xa hạn mức bền vững theo tiêu chuẩn khoa học. Trong khi vẫn cần nhiều nỗ lực để giảm lượng khai thác cá thì việc gia tăng giao dịch cá và các sản phẩm từ cá đã được chứng nhận có thể giúp cải thiện hệ thống quản lý ngư nghiệp nói chung, đồng thời tăng năng suất nguồn cá cũng như tăng giá trị cho các sản phẩm cuối cùng.

Tăng doanh thu xuất khẩu có thể đến từ việc quản lý theo hướng bền vững ngư nghiệp đánh bắt hoang dã, bao gồm thông qua việc đạt chứng nhận. Việc buôn bán các sản phẩm cá được chứng nhận đã có trên thị trường các quốc gia phát triển và đang tăng dần trên thị trường một số quốc gia đang phát triển, hoạt động này cũng đã chuyển từ thị trường ngách sang thị trường chính thức. Cơ hội thương mại của sản phẩm cá được sản xuất theo tiêu chuẩn bền vững có thể tạo ưu thế cho các hệ thống quản lý ngư nghiệp tốt hơn và giành lấy doanh thu của những hệ thống quản lý yếu kém, chiếm khoảng 50 tỷ USD hàng năm trên phạm vi toàn cầu.

Trong nuôi trồng thủy sản, nhu cầu thế giới với hải sản nuôi trồng, hải sản hữu cơ cùng hải sản nuôi trồng theo các tiêu chuẩn bền vững cao hơn đã tăng mạnh trong 15 năm qua. Hiện nay, việc sản xuất nuôi trồng thủy sản được chứng nhận ước tính chiếm khoảng 5% tổng sản xuất của các loại nuôi trồng thủy sản theo các tiêu chuẩn bền vững khác. Trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, tổng giá trị nhu cầu hải sản nuôi trồng theo các tiêu chuẩn bền vững được chứng nhận dự tính tăng từ 300 triệu USD năm 2008 lên 1.25 tỷ USD năm 2015.

4.3. Trong lĩnh vực lâm nghiệp

Diện tích rừng thế giới đang suy giảm và gánh nặng lên rừng được dự báo vẫn tiếp tục tăng. Đằng sau xu hướng phá hủy rừng này là sự quản lý yếu kém, thiếu hụt các lực lượng chức

năng bảo vệ rừng, tham nhũng và hối lộ. Trên phạm vi toàn cầu, giá trị kinh tế của khai thác rừng bất hợp pháp, bao gồm cả chế biến sản phẩm lâm nghiệp, ước đạt từ 30-100 tỷ USD mỗi năm. Gia tăng thương mại bền vững với gỗ và các lâm sản không làm từ gỗ có thể giúp tăng đáng kể sự minh bạch trong quản lý và đảm bảo khả năng truy xuất trong lĩnh vực lâm nghiệp, đặc biệt thông qua các chương trình chứng nhận.

Quản lý rừng bền vững, bao gồm thông qua việc đạt chứng nhận, có khả năng mở rộng tương đối thị phần thương mại của các sản phẩm gỗ và các lâm sản phi gỗ được sản xuất theo hướng bền vững. Tính đến đầu năm 2013, tổng diện tích rừng được chứng nhận trên toàn thế giới đạt gần 400 triệu hecta, chiếm gần 10% nguồn tài nguyên rừng toàn cầu. Doanh thu từ các sản phẩm được chứng nhận đạt hơn 20 tỷ USD mỗi năm. Tùy vào quá trình vận động, mức giá tương đối cho gỗ được chứng nhận, đặc biệt từ các vùng nhiệt đới, có thể tăng từ 15-25%. Ngoài ra, phát triển lâm sản phi gỗ phù hợp với các chiến lược thương mại ngách, đặc biệt với các sản phẩm có vòng đời dài, đơn giá cao, xử lý đơn giản, không cần đầu tư nhiều cho vận chuyển và lưu trữ. Các quốc gia đang phát triển cũng đang bán các khoản bù đắp carbon rừng trên thị trường thế giới, bao gồm thông qua các cơ chế quốc tế như Cơ chế Phát triển Sạch và REDD+.¹

4.4. Trong lĩnh vực sản xuất

Sản xuất là ngành cần nhiều tài nguyên và năng lượng. Lĩnh vực này chiếm 35% lượng điện sử dụng toàn thế giới, hơn 20% lượng khí thải CO₂ toàn cầu và hơn ¼ lượng khai thác các tài nguyên cơ bản. Hơn nữa, các chất độc từ hóa chất nông nghiệp và công nghiệp nằm trong 5 nguyên nhân gây tử vong hàng đầu thế giới. Nếu không tách biệt việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên và các ảnh hưởng môi trường khỏi tăng trưởng kinh tế, cũng như đan xen tính bền vững trong chuỗi cung ứng toàn cầu thì sự tăng trưởng của cầu thế giới cùng các dòng chảy đầu tư và thương mại sẽ làm trầm trọng thêm các ảnh hưởng tiêu cực gây ra từ sự phát triển của lĩnh vực sản xuất.

Các sản phẩm có thiết kế hoặc được sản xuất từ các công ty thân thiện với môi trường, phù hợp với các tiêu chuẩn bền vững về sản phẩm và sản xuất, sẽ có lợi thế trên thị trường thế giới. Nhiều nhà cung cấp đã hướng việc sản xuất theo hướng bền vững hơn để đảm bảo vị thế của mình trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Điều này được minh họa bằng việc các chứng nhận ISO 14001 về quản lý môi trường đã tăng 1500% trong giai đoạn từ năm 1999 đến 2009. Bên cạnh đó, một số quốc gia đang phát triển đang đi tiên phong trong việc đầu tư vào các quy trình sản xuất bền vững (ví dụ như tái chế) và các sản phẩm có thiết kế thân thiện với môi trường (ví dụ như hàng dệt may có nhãn sinh thái và điện năng hiệu quả).

¹ Giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng (REDD+) là một bộ các phương pháp tiếp cận chính sách và những biện pháp khuyến khích tích cực được thiết kế cho các quốc gia đang phát triển để chống giảm diện tích rừng.

4.5. Trong lĩnh vực năng lượng tái tạo

Các nguồn năng lượng tái tạo có thể giải quyết nhiều thách thức mà năng lượng truyền thống đang phải đối mặt. Trong khi 20% dân số thế giới thiếu khả năng tiếp cận điện thì năng lượng từ việc đốt cháy nhiên liệu hóa thạch đã khiến khí thải CO₂ tăng đến mức cao kỷ lục 31.6 triệu tấn năm 2011, dự báo sẽ tiếp tục tăng đến 37 triệu tấn vào năm 2035. Phát triển năng lượng tái tạo có thể hạn chế mạnh mẽ lượng khí thải carbon sinh ra từ việc sử dụng năng lượng, dự kiến có thể giảm khoảng 220-560 triệu tấn CO₂ trong giai đoạn 2010 đến 2050. Ngoài ra, việc sản xuất và giao dịch năng lượng từ các nguồn tái tạo có thể giúp tiếp cận nguồn nhiên liệu và điện năng sạch, giá rẻ, nhưng cần tính đến các ảnh hưởng tiêu cực có thể gây ra cho môi trường và xã hội.

Thị trường thế giới về công nghệ sử dụng năng lượng hiệu quả và hàm lượng carbon thấp, bao gồm các sản phẩm sử dụng năng lượng tái tạo, dự kiến sẽ tăng gấp ba, đạt 2.2 nghìn tỷ USD vào năm 2020. Mặc dù các chính sách công nghiệp của các quốc gia đang phát triển đôi khi vẫn gây tranh cãi, nhưng các quốc gia này vẫn tăng mạnh xuất khẩu các thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo như tấm chắn năng lượng mặt trời, turbin gió và bình nước nóng năng lượng mặt trời. Ví dụ, trong lĩnh vực năng lượng gió, một công ty của Ấn Độ đã trở thành nhà cung cấp lớn thứ ba thế giới trong lĩnh vực thiết bị vận hành, chiếm hơn 6% thị phần toàn cầu. Trong lĩnh vực năng lượng mặt trời, Trung Quốc đã xuất khẩu các tấm chắn và pin năng lượng mặt trời với tổng giá trị hơn 10 tỷ USD, gấp gần 80 lần giá trị quốc gia này xuất khẩu trong 10 năm trước đó. Ngoài việc xuất khẩu các thành phần thiết bị của công nghệ mới, rất nhiều quốc gia đang phát triển đang mở rộng khả năng xuất khẩu điện năng sản xuất từ các nguồn năng lượng tái tạo.

4.6. Trong lĩnh vực du lịch

Du lịch là một ngành xuất khẩu trọng điểm, có tiềm năng lớn để khai thác các cơ hội mới bằng việc chủ động giải quyết các vấn đề môi trường và xã hội. Năm 2012, lần đầu tiên số lượng du khách quốc tế đạt mức hơn 1 tỷ người. Tuy nhiên, du lịch vẫn là ngành đóng góp lượng lớn khí thải CO₂, ô nhiễm nước và không khí, làm tăng áp lực cho quản lý rác thải, mất đa dạng sinh học, tiềm ẩn xung đột với lợi ích văn hóa, kinh tế và xã hội của cộng đồng dân cư địa phương. Tiềm năng kinh tế của hoạt động du lịch bền vững, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển, phụ thuộc trực tiếp vào khả năng bảo tồn môi trường tự nhiên của các quốc gia này, vì suy thoái môi trường làm giảm sút hút của các điểm du lịch. Hệ quả là, các hoạt động du lịch bền vững và được chứng nhận có thể là động lực giúp giảm các tác động tiêu cực tiềm ẩn của du lịch tới xã hội và môi trường, trong khi vẫn làm tăng độ hấp dẫn và giá trị kinh tế của các điểm du lịch tiềm năng hoặc sẵn có.

Du lịch sinh thái, tập trung vào các hoạt động trong môi trường tự nhiên, là nhánh phát triển nhanh nhất của du lịch bền vững. Nhiều quốc gia đang phát triển có lợi thế so sánh về du lịch sinh thái nhờ vào cảnh quan tự nhiên, di sản văn hóa và khả năng phát triển các chương trình du lịch mạo hiểm. Bên cạnh đó, các chứng nhận trong lĩnh vực du lịch đang có xu hướng

tăng, bởi nhiều điểm du lịch và các nhà kinh doanh du lịch đã nhận ra những chứng nhận này có thể giúp tăng sức hấp dẫn và đẩy cao giá trị tiềm năng của điểm du lịch. Ví dụ, các khu vực được bảo tồn của Costa Rica đón nhận hơn 1 triệu du khách mỗi năm, doanh thu từ vé vào cửa đạt hơn 5 triệu USD, trong khi các khu vực bảo tồn của Mexico đạt lượng khách 14 triệu mỗi năm, tạo ra hơn 25,000 việc làm.

5. Các chỉ số đánh giá tăng trưởng xanh

Ở phạm vi quốc tế, hệ thống các chỉ số đánh giá TTX được phát triển bởi rất nhiều các tổ chức quốc tế, chẳng hạn OECD, EU, UNEP, GGKP. Ở cấp độ quốc gia, các chỉ số TTX tập trung vào hiệu quả và năng suất tài nguyên. Hà Lan sử dụng các chỉ số về cường độ sử dụng nước, khí thải nhà kính trong tiêu dùng. Ấn Độ đưa các giá trị sinh thái vào trong hệ thống hạch toán tài khoản quốc gia, Trung Quốc xây dựng bộ chỉ số thực thi tài nguyên và môi trường và chỉ số về hiệu quả năng lượng và tài nguyên, trong khi chính phủ Hàn Quốc phát triển tới 30 chỉ số đánh giá TTX. Các nhóm chỉ số bao gồm:

1. Cường độ khí thải nhà kính trong sản xuất
2. Hiệu quả năng lượng
3. Cường độ sử dụng nguyên liệu trong sản xuất

Bảng 2. Các chỉ số TTX của một số tổ chức quốc tế

Tổ chức	Tiêu chí	Các chỉ số
UNEMG	Tách rời giữa tăng trưởng kinh tế và suy thoái môi trường; Hiệu quả tài nguyên	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên liệu sử dụng/GDP - Chất thải được tạo ra/GDP - Đất sử dụng/GDP - Sự thay đổi của hệ sinh thái/GDP - Chất thải độc hại/GDP
UNEP	Vấn đề và các mục tiêu về môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả tài nguyên (Btu/GDP) - Năng suất sử dụng nguyên liệu (ton/GDP) - Năng suất sử dụng nước (m³/GDP) - Năng suất liên quan đến khí thải CO₂ (ton/GDP)
OECD	Năng suất môi trường và tài nguyên	<ul style="list-style-type: none"> - Các bon và năng lượng - Năng suất sử dụng tài nguyên: nguyên liệu, nước, chất dinh dưỡng - Năng suất nhân tố tổng hợp - Cầu về dịch vụ môi trường
	Tài sản tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> - Kho tài nguyên có thể tái tạo: nước, rừng, cá - Kho tài nguyên không thể tái tạo: khoáng sản,

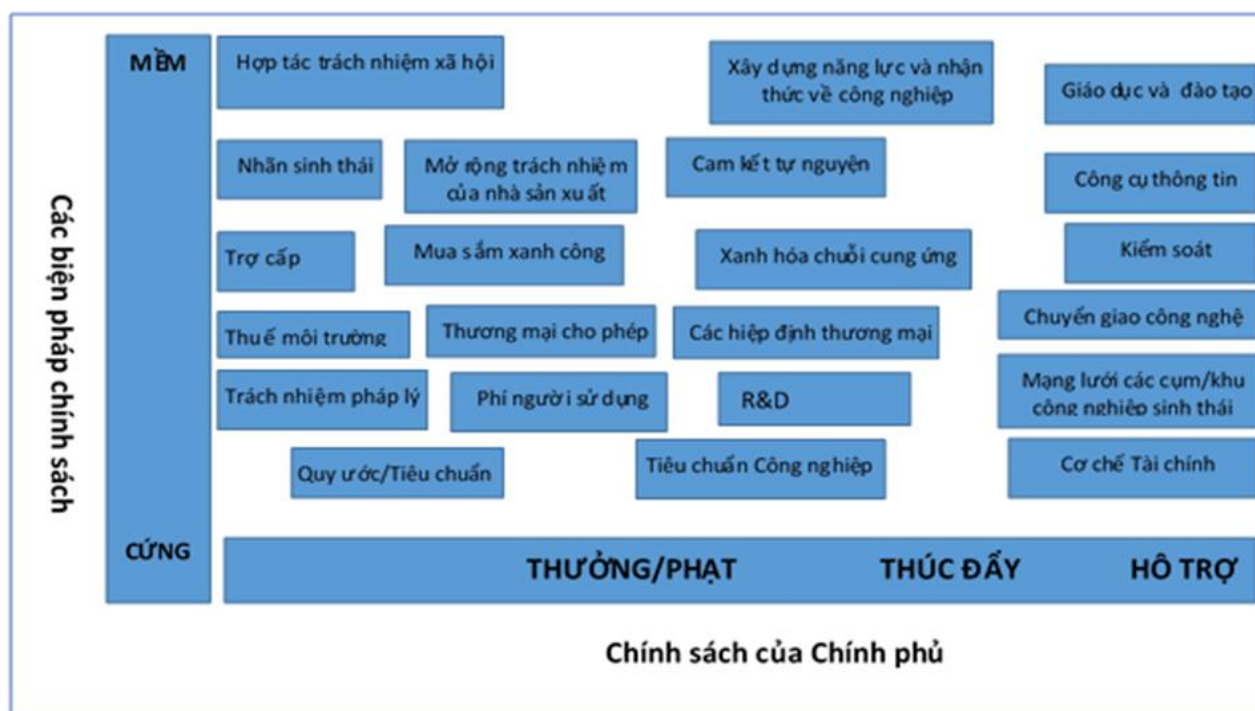
		- Đa dạng sinh học và hệ sinh thái
	Khía cạnh môi trường của chất lượng cuộc sống	- Sức khỏe và các mối nguy về môi trường - Dịch vụ và các tiện ích môi trường
	Các cơ hội kinh tế và các chính sách thích ứng	- Công nghệ và sáng tạo - Hàng hóa và dịch vụ môi trường - Luồng tài chính quốc tế - Giá và sự chuyển giao giữa các bên liên quan - Kỹ năng và đào tạo - Các quy định và quản lý
EU		- Năng suất tài nguyên(GDP/tiêu dùng nguyên liệu nội địa -ineuro/tonne) - Nước (chỉ số nước khai thác - %) - Đất (đất nhân tạo – km2) - Khí thải nhà kính (tấn) - Vốn sinh thái tự nhiên (hệ sinh thái được phát triển bởi EEA) - Hiệu quả năng lượng - Tác động môi trường của sử dụng tài nguyên (các chỉ số hiệu quả tài nguyên theo vòng đời) - Đất cho sản xuất nông nghiệp và rừng (km2) - Lượng nước tiêu thụ - Dấu vết các bon trong sản phẩm

Nguồn: Allen and Clouth (2012)

6. Khung chính sách thực hiện tăng trưởng xanh trong công nghiệp và thương mại

TTX trong công nghiệp và thương mại là một ưu tiên mang tính liên ngành của các vấn đề liên quan đến cạnh tranh, phát minh-sáng chế công nghệ xanh và sản phẩm công nghiệp xanh và thương mại hóa ở một mức cao hơn, sử dụng các chính sách liên quan trong việc hỗ trợ và đảm bảo việc chuyển dịch mô hình sản xuất và tiêu dùng trong công nghiệp và thương mại sang mô hình bền vững. Sự dịch chuyển này đòi hỏi những cam kết cao từ Chính phủ, khu vực tư nhân và các tổ chức dân sự xã hội.

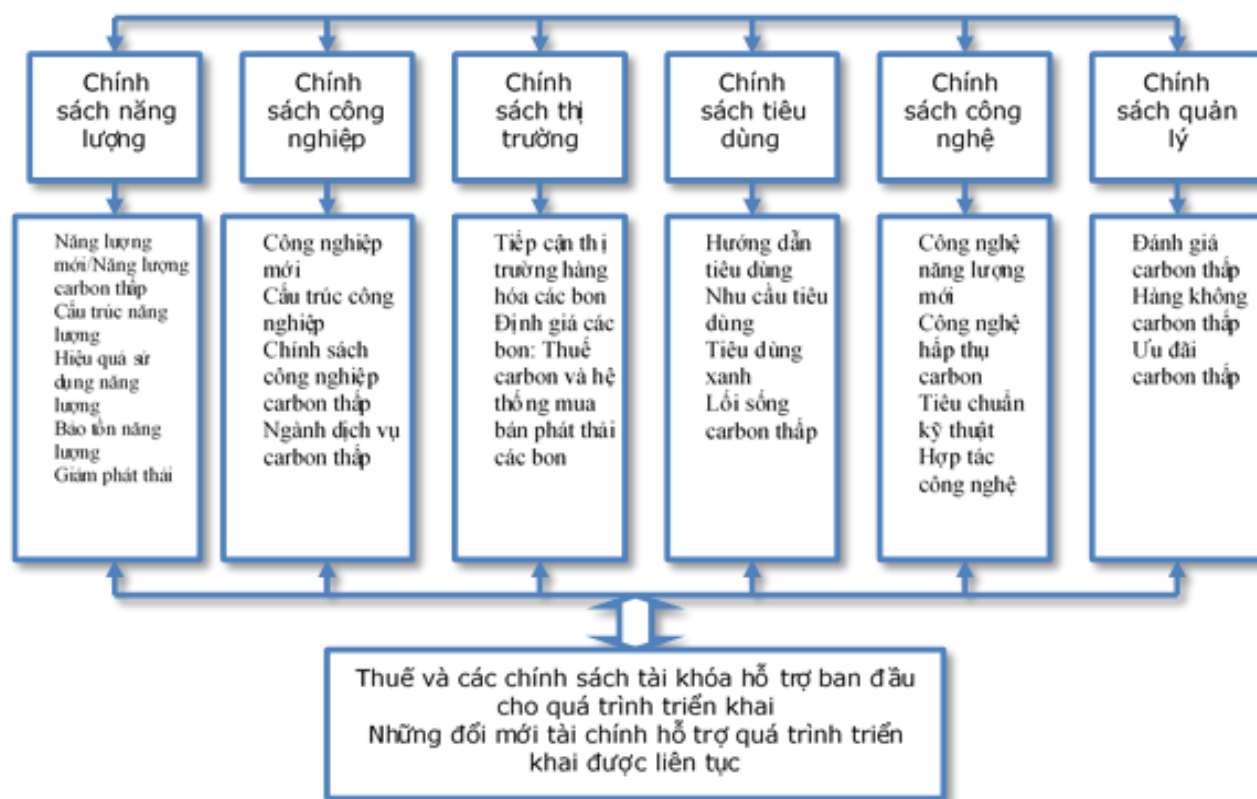
Sơ đồ 4: Các công cụ phối hợp chính sách thực hiện tăng trưởng xanh trong



công nghiệp và thương mại

Các chính sách thực hiện tăng trưởng xanh trong công nghiệp và thương mại hiện nay chủ yếu tập trung vào 6 nhóm: các chính sách về năng lượng, chính sách công nghiệp, chính sách thị trường, chính sách tiêu dùng với sự tham gia trực tiếp của khu vực công trong thực hiện các hành động xanh và luật về mua sắm công xanh, các chính sách về đầu tư như là các đầu tư công về hạ tầng năng lượng; các chính sách về đổi mới công nghệ xanh trong công nghiệp và năng lượng và cuối cùng là các các chính sách quản lý (Wilfried Lütkenhorst 2014).

Sơ đồ 5: Khung phối hợp chính sách TTX của Trung Quốc



Nguồn: (Jänicke 2012)

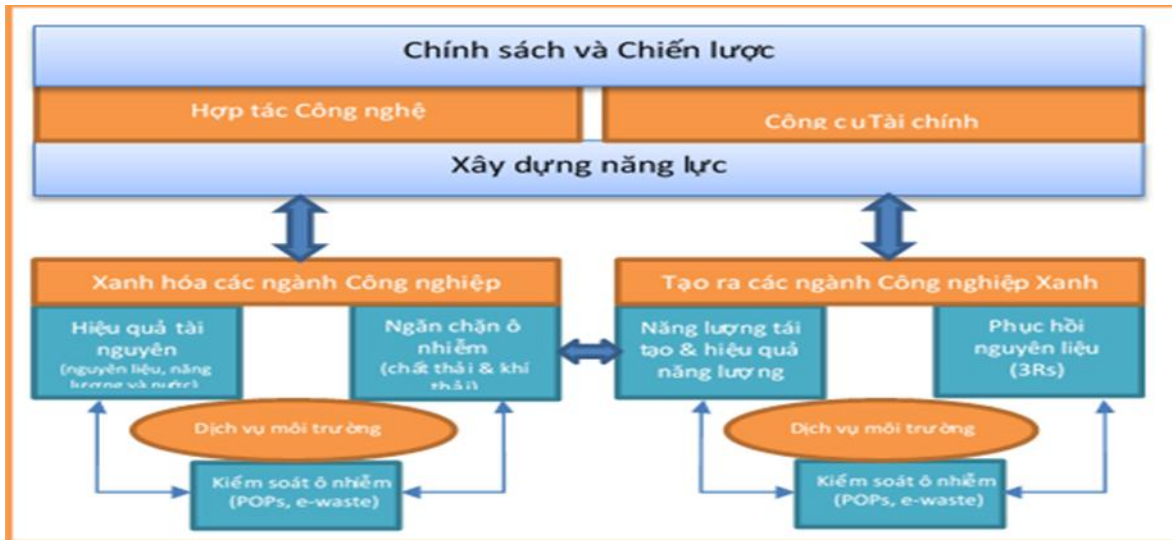
- Các chính sách thúc đẩy xanh hóa công nghiệp

Xanh hóa công nghiệp đòi hỏi sự công bằng về giá liên quan đến nội hóa các ngoại ứng về môi trường trong sản xuất công nghiệp và tính hiệu quả về tối ưu trong sản xuất với việc phối hợp các chính sách công nghiệp và chính sách môi trường thành chính sách xanh hóa công nghiệp (WB 2013). Chính sách xanh hóa công nghiệp cần có sự tiếp cận theo chiều dọc từ trung ương tới địa phương và theo chiều ngang giữa các ngành liên quan tới nhau. Các chính sách này tập trung vào các quy định, tiêu chuẩn, các công cụ thị trường, cùng với việc thúc đẩy các phát minh trong công nghiệp và đảm bảo các doanh nghiệp có thể ứng dụng ở mức giá chấp nhận được.

- Chính sách phát triển các ngành công nghiệp xanh

Các chính sách này phối hợp theo các giai đoạn, từ phát triển công nghệ cho đến thương mại hóa sản phẩm với cách tiếp cận cả bên cung lẫn bên cầu. Bao gồm các hỗ trợ chính sách cho R&D xanh, tiếp cận nguồn vốn rẻ hơn cho các dự án xanh, hỗ trợ giá (feed in tariff) cho phát triển năng lượng tái tạo, luật về mua sắm công xanh bắt buộc (Martin Hirschnitz Garbers 2012)...

Sơ đồ 6: Khung chính sách thực hiện TTX trong công nghiệp



Nguồn: (UNIDO 2009)

- Chính sách thương mại xanh

Các chính sách thương mại thúc đẩy TTX tập trung vào cả thị trường trong nước và thị trường quốc tế (xuất nhập khẩu). Các chính sách này hoạt động dưới nhiều công cụ khác nhau, từ thuế quan xuất nhập khẩu, hạn ngạch, trợ cấp của chính phủ thông qua miễn giảm thuế, hoàn thuế, các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hàng hóa lưu thông... Các cam kết thương mại quốc tế, từ song phương đến đa phương cũng đóng vai trò quan trọng đối với giảm các rào cản thương mại đối với tự do hóa các sản phẩm của ngành công nghiệp xanh (Meltzer 2012). Các công cụ này bao gồm:

- Sử dụng các biện pháp thương mại nhằm kiểm soát và đạt được các mục tiêu môi trường
- Hạn chế hoặc giảm thương mại đối với nhiên liệu hóa thạch, hàng hóa và dịch vụ ô nhiễm môi trường thông qua thuế quan xuất nhập khẩu, hạn ngạch, tiêu chuẩn kỹ thuật
- Giảm các rào cản thương mại đối với hàng hóa và dịch vụ môi trường
- Bảo vệ và thúc đẩy sản xuất công nghiệp nội địa, chẳng hạn phát triển sản xuất hàng hóa và dịch vụ môi trường
- Hạn chế và giảm dần các trợ cấp bóp méo thương mại và gây tổn hại tới môi trường thông qua quy chế tối huệ quốc (MNT) và đối xử quốc gia (NT).

7. Các chính sách xanh đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Trong khi TTX trong công nghiệp và thương mại bao gồm tất cả các loại doanh nghiệp với các loại quy mô và lĩnh vực, thì các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) lại đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với việc thúc đẩy các phát minh công nghệ sạch và các hoạt động trong công nghiệp xử lý, chế tạo và cung cấp dịch vụ. Các doanh nghiệp SMEs là nhân tố quan

trọng nhất trong thời kỳ đầu của quá trình công nghiệp hóa và là khu vực tạo ra nhiều việc làm nhất (Korea 2009, Schwarzer 2013).

Các loại hình doanh nghiệp này bao gồm các doanh nghiệp xử lý nguyên liệu thô, sản xuất các sản phẩm thô từ nguồn nguyên liệu thô cho ngành khác, hoặc các sản phẩm cuối cùng. Các doanh nghiệp này cũng có cơ hội tham gia vào chuỗi giá trị về công nghệ sạch như ngành xử lý nước thải, thủy điện nhỏ, xử lý nước, năng lượng gió, mặt trời, địa nhiệt và năng lượng sinh học. Tuy nhiên, các SMEs phải đối mặt với các vấn đề về chi phí cho nguồn vốn cao lúc tham gia thị trường, các vấn đề về kỹ thuật và thiết bị, chuyên gia. Hơn nữa, đầu tư công vào các ngành mới cũng đi kèm với các rủi ro cao, do vậy, cần có sự can thiệp của chính phủ, các tổ chức phát triển để thúc đẩy thị trường, bao gồm:

- Thúc đẩy thương mại hóa các phát minh liên quan đến xanh hóa công nghiệp và phát triển ngành công nghiệp xanh: giúp các doanh nghiệp biến các ý tưởng/phát minh thành các cơ hội kinh doanh
- Tài chính cho các phát minh: các hỗ trợ, bảo hiểm cho đầu tư tài chính, các khoản vay ưu đãi...
- Phát triển thị trường: ví dụ áp dụng FIT để khuyến khích phát triển và thương mại năng lượng tái tạo,
- Phát triển công nghệ: bao gồm các tài trợ về R&D, đầu tư công vào R&D, xây dựng các dự án trình diễn...
- Xây dựng khung về các quy định và luật: các khuyến khích đặc biệt về thuế, tính chi giảm thiểu các bon, thuế ô nhiễm và sử dụng tài nguyên, giảm thuế nhập khẩu.

Tài liệu tham khảo

1. Allen, C. and S. Clouth (2012). *A Guidebook to the Green Economy Issue 1: Green Economy, Green Growth, and Low-Carbon Development—History, Definitions and a Guide to Recent Publications*, United Nations Division for Sustainable Development, Department of Economic and Social Affairs (UNDESA): New York, NY, USA.
2. Barnes, I. (2008). The Green Growth Approach for Climate Action. background document for The 3rd Policy Consultation Forum of the Seoul Initiative Network on Green Growth.
3. Clastres, C. (2011). "Smart grids: Another step towards competition, energy security and climate change objectives." *Energy Policy* **39**(9): 5399-5408.
4. Couture, T. and Y. Gagnon (2010). "An analysis of feed-in tariff remuneration models: Implications for renewable energy investment." *Energy Policy* **38**(2): 955-965.
5. Huber, J. (2000). "Towards industrial ecology: sustainable development as a concept of ecological modernization." *Journal of environmental policy and planning* **2**(4): 269-285.
6. Jänicke, M. (2012). "'Green growth': From a growing eco-industry to economic sustainability." *Energy Policy* **48**: 13-21.
7. Korea, G. G. (2009). "National Green Growth Strategy and Five-Year Plan Milestones." Green Growth-Vision and Strategy.
8. Kossoy, A., et al. (2014). "State and Trends of Carbon Pricing 2014."
9. Lesser, J. A. and X. Su (2008). "Design of an economically efficient feed-in tariff structure for renewable energy development." *Energy Policy* **36**(3): 981-990.
10. Martin Hirschitz Garbers, T. S., Lucas Porsch, Max Grünig, Polly Hand, Krista Timeus Cerezo (2012). "Integrating resource efficiency, greening of industrial production and green industries – scoping of and recommendations for effective indicators."
11. Mathews, J. A. (2012). "Green growth strategies—Korean initiatives." *Futures* **44**(8): 761-769.
12. Melo, J. d. (2012). Trade in a Green Growth development Strategy Global Scale Issues and Challanges. Green Growth: Addressing the Knowledge Gaps. Mexico. **47**.
13. Melo, J. d. (2013). "Trade in a 'Green Growth' Development Strategy Global Scale Issues and Challenges ".
14. Meltzer, J. (2012). "Green growth and international trade."
15. Nazifi, F. (2013). "Modelling the price spread between EUA and CER carbon prices." *Energy Policy* **56**: 434-445.
16. OECD (2012). Green Growth and Developing Countries.
17. OECD (2013). Green Industries for Green Growth
18. Schwarzer, J. (2013). "Industrial Policy for a Green Economy."
19. Scotney, R., et al. (2012). Carbon Markets and Climate Policy in China, The Climate Institute, October.
20. UNDESA (2012). A guidebook to the Green Economy.
21. UNEP (2012). "The Business Case for the Green Economy: Sustainable Return on Investment."
22. UNEP (2012). "Decoupling natural resource use and environmental impacts from economic growth ".
23. UNEP (2014). "Towards greener and more inclusive economies."
24. UNEP (2014). "Using Indicators for Green Economy Policymakin."
25. UNESCAP (2012). "Green growth indicators: A practical approach for Asia and the Pacific."

26. UNESCAP (2012). "Low carbon green growth roadmap for Asia and the Pacific, background policy paper." Water resource management: policy recommendations for the development of eco-efficient infrastructure. Prepared by: Dr Reeho Kim, Dr Jungsoo Mun and Dr Jongbin Park, Korea Institute of Construction Technology. United Nations publication.
27. UNIDO (2009). "A greener footprint for industry: Opportunities and challenges of sustainable industrial development."
28. UNIDO (2010). A Greener Footprint for Industry: Opportunities and challenges of sustainable industrial development Vienna, Austria.
29. WB (2013). "Green Industrial Policies: When and How ".
30. Wilfried Lütkenhorst, T. A., Anna Pegels, Georgeta Vidican (2014). "Green Industrial Policy: Managing Transformation under Uncertainty."
31. Yang, G.-f., et al. (2009). "The optimization of the closed-loop supply chain network." Transportation Research Part E: Logistics and Transportation Review **45**(1): 16-28.